

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2025 dự án thành phần
thuộc dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính
chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Hiệp định số 6079-VN ngày 03/8/2018 giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Ngân hàng hàng Thế giới (WB);

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 1387/QĐ-TTg ngày 23/10/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 1249/QĐ-TTg, ngày 26/10/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) do WB tài trợ;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 về phê duyệt đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 288/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 2198/QĐ-BNN-HTQT ngày 13/6/2019 về phê duyệt kế hoạch tổng thể dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 5996/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2023 về việc điều chỉnh đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 615/QĐ-BNN-KH ngày 28/02/2024 về điều chỉnh Quyết định số 2198/QĐ-

BNN-KH ngày 13/6/2019, Quyết định số 2796/QĐ-BNN-KH ngày 12/7/2023 về phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển;

Căn cứ các văn bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 9995/BNN-KH ngày 30/12/2024 về việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2025; số 364/BNN-KH ngày 10/01/2025 về việc thông báo phân khai chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 111/DALN-FMCR ngày 18/02/2025 của Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp về việc phúc đáp đề nghị của Ban quản lý dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa tại Văn bản số 16/FMCR-KH;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 về việc phê duyệt dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa; số 987/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư tổng thể và kế hoạch hoạt động năm 2020 của dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa; số 3217/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển, vay vốn ODA của Ngân hàng Thế giới (WB); số 1752/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh lần 2, dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa, vay vốn ODA của Ngân hàng thế giới (WB); số 5227/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Thanh Hóa; số 2462/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể và phê duyệt kế hoạch thực hiện năm 2024 dự án thành phần thuộc dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa”;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1310/STC-KTN ngày 14/3/2025; của Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 47/TTr-SNN&PTNT ngày 24/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2025 dự án thành phần thuộc dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung chính như sau:

1. Các hoạt động chính của dự án thành phần thực hiện năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

a) *Hợp phần 2:* Phát triển và phục hồi rừng ven biển

- Chăm sóc và bảo vệ diện tích đã thực hiện trồng mới và trồng phục hồi rừng ngập mặn năm 2022 với diện tích: 156,498 ha; trong đó:

- + Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng mới ven biển: 104,008 ha.
- + Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng phục hồi ven biển: 52,49 ha.
- Thuê phương tiện bảo vệ và quản lý rừng.

b) Hợp phần 4: Quản lý, giám sát và đánh giá dự án

- Lương cho cán bộ dự án PPMU.
- Chi phí hoạt động thường xuyên.

2. Vốn và nguồn vốn đầu tư

Tổng kinh phí kế hoạch hoạt động năm 2025 dự án FMCR tỉnh Thanh Hóa là 4.400 triệu đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn*), trong đó:

a) Vốn đối ứng được phân bổ từ Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): 1.400 triệu đồng.

b) Vốn đối ứng cấp phát từ ngân sách tỉnh: 3.000 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (chủ dự án thành phần) chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ, phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước và các nội dung hiệp định tài trợ đã ký kết; đồng thời quản lý sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, đúng tiến độ và hiệu quả đầu tư; thanh quyết toán kinh phí đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Kho bạc Nhà nước khu vực X và các đơn vị có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm theo dõi, phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý dự án FMCR tỉnh Thanh Hóa triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động được phê duyệt đảm bảo đúng tiến độ, nội dung và phù hợp với các quy định về quản lý tài chính, nguồn vốn, sử dụng đất dự án và các quy định khác của pháp luật liên quan; kịp thời phát hiện những thiếu sót, vi phạm (nếu có) liên quan đến dự án và các vấn đề khác liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao để kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ và tài liệu, số liệu liên quan đến nội dung tham mưu, thẩm định kế hoạch hoạt động năm 2025 dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa.

3. UBND các huyện: Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Nga Sơn, UBND thị xã Nghi Sơn, UBND thành phố Sầm Sơn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở

Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý dự án FMCR tỉnh Thanh Hóa tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trình tự, thủ tục để thực hiện hoàn thành dự án theo đúng quy định của pháp luật; báo cáo kịp thời Chủ tịch UBND tỉnh những vướng mắc, phát sinh và những nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn, Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn; Ban quản lý dự án FMCR tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, Quyết định;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Ban QL các DA Lâm nghiệp-Bộ NN&MT;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, NNMT.

(MC12.03.25)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ biểu:

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hợp phần dự án/ Nội dung hoạt động	Kế hoạch tổng thể điều chỉnh								Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2024 (tính đến ngày 31/01/2025)								Kế hoạch thực hiện năm 2025								
		Tổng tiền	Vốn vay				Đối ứng			Tổng tiền	Vốn vay				Đối ứng			Tổng cộng	Vốn vay				Đối ứng			
			Tổng	Ngân sách Trung ương cấp phát		Tinh vay lại (20%)	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Tổng	Ngân sách Trung ương cấp phát		Tinh vay lại (20%)	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Tổng	Tổng	Ngân sách Trung ương cấp phát		Tinh vay lại (20%)	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
				NSTW cấp phát (100%)	NSTW cấp phát (80%)							NSTW cấp phát (100%)	NSTW cấp phát (80%)													
I	Hợp phần 2	85.807	73.431	64.414	7.213	1.803	12.376	9.728	2.648	72.663	65.290	56.594	6.957	1.739	7.373	5.462	1.911	1.485					1.485	1.400	85	
A	Tiểu hợp phần 2.1: Trồng và bảo vệ rừng ven biển (Phát triển và phục hồi rừng ven biển)	76.458,6	65.366,5	64.414,5	761,6	190,4	11.092,1	9.728,3	1.363,9	64.011	57.512	56.594	734	184	6.498	5.462	1.036	1.485					1.485	1.400	85	
1	Chuẩn bị đầu tư cho quản lý bền vững rừng ven biển	472,3	437,3		349,8	87,5	35,0		35,0	456	422		338	84	34		34									
1.1	Lập và kiểm chứng bản đồ cấp xã phục vụ công tác trồng và quản lý rừng phòng hộ ven biển																									
1.2	Đóng mốc giới quy hoạch đất ven biển (Đóng mốc giới các đơn vị chủ rừng phòng hộ ven biển)	472,3	437,3		349,8	87,5	35,0		35,0	456	422		338	84	34		34									
2	Đầu tư thiết lập các mô hình rừng bền vững có sự tham gia của cộng đồng (Khoán bảo vệ rừng)	2.300,9					2.300,9	2.300,9																		
3	Phục hồi rừng ven biển	4.668,9	3.880,9	3.880,9			788,0	788,0		4.213	3.750	3.750			463	463		200					200	200		
3.1	Phục hồi rừng ngập mặn:	4.424,3	3.667,5	3.667,5			756,9	756,9		4.016	3.580	3.580			436	436		200					200	200		
3.2	Phục hồi rừng ven biển trên cạn:	244,6	213,5	213,5			31,1	31,1		197	170	170			27	27										

TT	Hợp phần dự án/ Nội dung hoạt động	Kế hoạch tổng thể điều chỉnh								Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2024 (tính đến ngày 31/01/2025)								Kế hoạch thực hiện năm 2025								
		Tổng tiền	Vốn vay				Đối ứng			Tổng tiền	Vốn vay				Đối ứng			Tổng cộng	Vốn vay				Đối ứng			
			Tổng	Ngân sách Trung ương cấp phát		Tinh vay lại (20%)	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Tổng	Ngân sách Trung ương cấp phát		Tinh vay lại (20%)	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		Tổng	Tổng	Ngân sách Trung ương cấp phát		Tinh vay lại (20%)	Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
				NSTW cấp phát (100%)	NSTW cấp phát (80%)							NSTW cấp phát (100%)	NSTW cấp phát (80%)													
2	Nâng cao năng lực quản lý dự án (Hội nghị, hội thảo, tập huấn, truyền thông)	474,4					474,4		474,4	462					462		462									
B	An toàn xã hội và môi trường (Giám sát đánh giá)	3.185,1	2.895,0		2.316,0	579,0	290,0		290,0	2.860	2.629		2.103	526	231		231									
III. 2	Chi phí thường xuyên	25.772,1					25.772,1		25.772,1	11.910					11.910		11.910	2.915					2.915		2.915	
1	Lương của cán bộ tại PPMU (Chi phí quản lý dự án)	8.146,4					8.146,4		8.146,4	5.470					5.470		5.470	682,422					682,422		682,422	
2	Chi phí hoạt động (Chi vận hành, nhân sự, quản lý khác)	17.625,7					17.625,7		17.625,7	6.441					6.441		6.441	2.232,578					2.232,578		2.232,578	
2.1	Chi phí hoạt động (Chi vận hành, nhân sự, quản lý khác)																1.432,578					1.432,578		1.432,578		
2.2	Dự phòng																800					800		800		
	Tổng cộng	190.239	137.366	64.414	58.362	14.590	52.872	9.728	43.144	154.322	126.119	56.594	55.620	13.905	28.203	5.462	22.741	4.400					4.400	1.400	3.000	

Ghi chú: Giá trị kế hoạch thực hiện năm 2025 tạm tính và giá trị dự toán chính xác sẽ được xác định sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành.